

Số: **614**/GPMT-SNNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **6** năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đổi tên cơ quan quản lý của Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;



Handwritten signature

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Xưởng sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm” tại địa chỉ 67/8H ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) của Công ty Cổ phần Hóc Môn, kiểm tra ngày 13 tháng 03 năm 2025;

Xét Công văn số 05/CV-GPMT/HM ngày 21 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hóc Môn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và các hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Phiếu trình số 453 /TTr-CCBVMT-KSON ngày 30 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hóc Môn, địa chỉ trụ sở chính G6 Đường N1, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Xưởng sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm” tại địa chỉ 67/8H ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Xưởng sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: 67/8H ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần mã số 0302265919 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20

[Handwritten signature]

tháng 12 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0302265919.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích cơ sở: 23.664 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T 886811 ngày 10 tháng 6 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hợp đồng thuê đất số 6418/HĐTD-GTĐ ngày 31/5/2002 giữa Sở Địa chính – Nhà Đất Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Hóc Môn với thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 01 năm 2046).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Cơ sở thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Công suất: sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón với công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm (gồm Thuốc bảo vệ thực vật dạng nước: 5610 tấn sản phẩm/năm, Phân bón dạng nước: 2700 tấn sản phẩm/năm, Thuốc bảo vệ thực vật dạng bột: 540 tấn sản phẩm/năm, Phân bón dạng bột: 150 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

Quy trình phối trộn, sang chiết thuốc bảo vệ thực vật, phân bón dạng nước: Nguyên liệu → Phối trộn → Rót chai → Đóng nắp → Dán nhãn → Thành phẩm.

Quy trình phối trộn, sang chiết thuốc bảo vệ thực vật, phân bón dạng nước: Nguyên liệu → Phối trộn → Sấy → Đóng gói định lượng → Ép miệng bịch → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ

Handwritten signature

môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hóc Môn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Hóc Môn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty Cổ phần Hóc Môn, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của Cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Công ty Cổ phần Hóc Môn có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của

pháp luật có liên quan, hoàn tất các thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành).

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác liên quan.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Hóc Môn;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- UBND xã Xuân Thới Sơn;
- Trang thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- Lưu: VT, CCBVMT. Châu.06

04b

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Toàn Thắng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **614** /GPMT-SNNMT-CCBVMT
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của cán bộ nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Tân Thới Nhì 29, sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Hố ga giám sát sau đó đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung trên đường Tân Thới Nhì 29, ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tọa độ vị trí điểm xả thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°): X= 1.204.616 (m); Y= 590.380 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10m³/ngày.đêm; 0,42m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sẽ tự chảy ra 01 hố ga giám sát trong phạm vi cơ sở và theo đường ống PVC có đường kính D200mm chiều dài 4m đầu nối vào hố ga của hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Tân Thới Nhì 29, sau đó vào kênh tiêu

Handwritten signature

trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ($K_q = K_f = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc 6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150		
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD5)	mg/l	50		
5	Tổng nitơ	mg/l	40		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6		
7	Tổng Phenol	mg/l	0,5		
8	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1		
9	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1		
10	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

– Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom theo đường ống PVC D60mm, chiều dài khoảng 12m dẫn xuống 02 bể tự hoại 03 ngăn (được xây dựng âm phía dưới khu vực nhà xưởng, văn phòng). Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom và thoát theo đường ống nhựa PVC D60mm chiều dài khoảng 50m chảy vào hệ thống xử lý nước thải với công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở.

– Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh nhà xưởng được thu gom theo rãnh thoát nước bằng bê tông cốt thép có kích thước CxR: 300x150mm, chiều dài 35m về dẫn về 01 hố thu gom 01 hố thu gom có kích thước: DxRxC: 2000x2000x2000mm, sau đó thông qua đường ống PVC D60mm, chiều dài 25m chảy vào hệ thống xử lý nước thải với công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở.

– Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom theo rãnh thoát nước bằng bê tông cốt thép có kích thước CxR: 300x150mm, chiều dài 35m về dẫn về 01 hố thu gom 01 hố thu gom có kích thước: DxRxC: 2000x2000x2000mm, sau đó thông qua đường ống PVC D60mm, chiều dài 25m chảy vào hệ thống xử lý nước thải với công suất $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở.

– Toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất $10\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Tiếp theo, nước thải sau xử lý sẽ được bơm vào bể chứa sau xử lý có thể tích $11,25\text{ m}^3$ để lưu chứa trước khi thoát ra ngoài môi trường.

– Nước thải tự chảy từ bể chứa sau xử lý theo đường ống nhựa uPVC D90mm, chiều dài 45m chảy ra hố ga giám sát nước thải. Sau đó, nước thải theo đường ống nhựa uPVC D200mm, chiều dài 4m chảy vào hố ga đầu nối của hệ thống cống thoát nước thải của thành phố trên đường Tân Thới Nhì 29, sau đó vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương trên địa bàn xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 02 bể.

- Vị trí và công suất thiết kế: 01 bể tại khu vực văn phòng ($V = 09\text{ m}^3$), 01 bể tại nhà xưởng ($V = 09\text{ m}^3$).

Handwritten signature

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm. Bùn thải từ bể tự hoại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn và các nguồn nước thải còn lại → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể kiểm hóa bể gây mạch vòng Cl, P → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Hồ ga giám sát → Hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Tân Thới Nhì 29 → Kênh tiêu trong khu vực → Kênh Trung Ương. (nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = K_f = 1,0$).

- Công suất thiết kế: 10m³/ngày.đêm

- Hóa chất sử dụng: Vôi, Clorin và Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống, thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Tiến hành tẩy rửa đường ống đều đặn.

- Các thiết bị xử lý đều có phương án/thiết bị vận hành dự phòng để vận hành luân phiên, tránh tình trạng chạy liên tục dẫn đến tình trạng quá tải của thiết bị.

- Định kỳ tiến hành công tác nạo vét các hồ ga thoát nước thải.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này, trường hợp hệ thống xử lý nước thải ngưng hoạt động, gặp sự cố do hư hỏng công trình đơn vị, thiết bị: nhanh chóng điều

ru

tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng của Công ty; kiểm tra lại các máy móc, thiết bị và quy trình vận hành nhằm khắc phục những sai sót; kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo lại hệ thống (nếu cần thiết). Trường hợp khắc phục sự cố kéo dài, Công ty cam kết tạm ngưng hoạt động các công đoạn phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; xả thải đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; hồ ga giám sát nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra. Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xây dựng hệ thống xử lý.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước chung của thành phố trên đường Tân Thới Nhì 29 sau đó chảy vào kênh tiêu trong khu vực và dẫn ra kênh Trung Ương). Xây dựng hồ ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường; Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 614 /GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng nước.
- Nguồn số 02: Bụi và hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng bột.
- Nguồn số 03: Bụi và hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động phòng thí nghiệm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 67/8H ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh), tọa độ vị trí xả thải: X= 1.204.855 (m); Y= 672.297 (m).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

- 01 dòng khí thải từ hệ thống xử lý bụi và hơi hóa chất của các nguồn số 01, nguồn số 02 và nguồn số 03.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- 01 dòng khí thải: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 8.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức thông qua quạt hút.

- Chế độ xả thải: xả liên tục trong thời gian vận hành hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,8) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Handwritten signature

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	Toluen	mg/Nm ³	750		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		
5	Benzen	mg/Nm ³	5		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng nước được thu gom và dẫn về tháp hấp thụ thông qua hệ thống đường ống nhựa uPVC có đường kính D90mm, dài 80m. Sau đó khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí bằng vật liệu Inox 304 có đường kính D235mm, chiều cao ống thải 8,0m (so với mặt đất).

- Nguồn số 02: Bụi và hơi hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng bột được thu gom và dẫn về cyclon và tháp hấp thụ thông qua hệ thống đường ống nhựa uPVC có đường kính D114mm, dài 17m và D75mm, dài 15m. Sau đó khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí bằng vật liệu Inox 304 có đường kính D235mm, chiều cao ống thải 8,0m (so với mặt đất).

Handwritten signature

- Nguồn số 03: Bụi và hơi hóa chất phát sinh từ phòng thí nghiệm được thu gom và dẫn về tháp hấp thụ thông qua hệ thống đường ống nhựa uPVC có đường kính D90mm, dài 35m. Sau đó khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí bằng vật liệu Inox 304 có đường kính D235mm, chiều cao ống thải 8,0m (so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

(1) Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng nước → Chụp hút → Hệ thống ống dẫn.

(2) Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ quá trình phối trộn thuốc bảo vệ thực vật và phân bón dạng bột → Chụp hút → Cyclon → Hệ thống ống dẫn.

(3) Bụi, hơi hóa chất phát sinh từ phòng thí nghiệm → Hệ thống ống dẫn.

(1) + (2) + (3) → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí thải.

- Thông số kỹ thuật: Chụp hút bằng tôn kẽm kích thước 800x500mm; chụp hút bằng nhôm kích thước 500x500mm; ống thu gom khí thải bằng Inox 304, D250mm, dài 20m; ống thu gom khí thải bằng uPVC, D90mm, dài 115m; ống thu gom khí thải bằng uPVC, D75mm, dài 15m; ống thu gom khí thải bằng uPVC, D114mm, dài 17m; ống dẫn nước bằng Inox 304, D34mm, dài 10m; quạt hút có lưu lượng 8.000 m³/giờ, điện áp 3 pha/380V/50Hz; tháp hấp thụ có vật liệu bằng Inox 304 có đường kính D800mm; bể chứa dung dịch Javel bằng Inox 304 có kích thước 2500x1500x800mm; cyclon bằng Inox 304 có đường kính D800mm; ống thoát khí thải bằng Inox 304 có đường kính 235mm, chiều cao 8,0m (so với mặt đất).

- Hóa chất sử dụng: Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng. Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

- Đảm bảo vận hành các hệ thống, thiết bị theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

Handwritten signature

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Bố trí sàn thao tác bảo đảm an toàn tại vị trí lấy mẫu bụi khí thải và lỗ lấy mẫu khí thải theo quy định.

3.4. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

3.5. Thực hiện quản lý nội vi, bố trí thông thoáng; lắp đặt quạt thông gió; công nhân làm việc trực tiếp được trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động; thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị; vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **614** /GPMT-SNNMT-CCBVMT
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy dán nhãn tự động.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sang chai tự động (dạng nước).
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sang chai tự động (dạng bột).
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy đóng gói thuốc bột.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy đóng gói thuốc nước.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy sang chai tự động AP.
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của bồn phối trộn thuốc nước.
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của bồn phối trộn thuốc bột.
- Nguồn số 09: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút thuộc hệ thống xử lý bụi và hơi hóa chất.
- Nguồn số 10: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí thuộc hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết máy để cho dầu bôi trơn nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu.
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ như nút bịt tai trong suốt ca làm việc và bố trí ca luân phiên hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc tốt.

1.2. Giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:

- Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải được thiết kế kín có cửa ra vào nhằm hạn chế tiếng ồn;
- Không hoạt động quá công suất thiết kế;
- Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm khi đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.



1/01
H
Đ
1/01

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 614/GPMT-SNNMT-CCBVM
 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng CTNH (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	5
2	Bao bì (cứng, mềm) thải chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	14 01 08	100
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	450
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	500
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
7	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	7.500
8	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	4.500
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	400
10	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	300
11	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	1.500
12	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
TỔNG CỘNG			15.365

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	3.120
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	1.560
Tổng cộng		4.680

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	25.200
Tổng cộng		25.200

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 12 thùng chứa có dung tích 240 lít có nắp đậy và các bao PP chống thấm, bố trí các bình PCCC cầm tay, cát xẻng tại khu vực này theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Bên ngoài thùng chứa được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có thể tích khoảng 2,4 m³ tại khu xử lý nước thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 40 m².

- Vị trí: đặt tại phía sau nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, tường gạch, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Thiết kế, cấu tạo bể chứa bùn: bể chứa có kết cấu bê tông cốt thép; quét chống thấm, chống rò rỉ; xây kín và thiết kế có nắp thăm.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:



- Bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa tại 02 bể tự hoại có tổng thể tích khoảng 18 m^3 .

- Đối với các loại chất thải công nghiệp thông thường khác: Bố trí các thùng chứa với dung tích 120 lít, được bố trí tại các khu vực trong nhà xưởng sản xuất.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại: các bể chứa có kết cấu bê tông cốt thép; quét chống thấm, chống rò rỉ; xây kín và thiết kế có nắp thăm.

- Đối với kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường khác với diện tích 10 m^2 :

+ Diện tích kho: 10 m^2 .

+ Vị trí: phía sau nhà xưởng, kế bên kho chứa chất thải nguy hại.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực chứa chất công nghiệp có tường bao quanh đảm bảo không bị phát tán chất thải ra bên ngoài, kho được chia thành các vách ngăn, bên trên có mái tôn và nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm; có gờ chống chảy tràn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng rác bằng nhựa, có nắp dẹt dung tích 240 lít để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 02 m^2

- Vị trí kho: đặt trong khuôn viên cơ sở, nằm bên hông nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, có dán biển cảnh báo.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy



Handwritten signature

định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 614/GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 1386/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Xưởng sản xuất, gia công sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón – Công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần Hóc Môn và Công văn số 3517/CCBVM -KSON ngày 17 tháng 07 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Chi cục Bảo vệ môi trường về hồ sơ xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Hóc Môn. Cơ sở không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm đối với chất thải phát sinh tại cơ sở.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định hiện hành.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Giấy phép này

th

có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

th